

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba... theo quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>Số tiền bảo hiểm tối thiểu, tiền khấu trừ và thời hạn bảo hiểm phải là:</p> <p>(a) Cho các tổn thất hư hỏng công trình, cây cối và vật liệu: 110% giá trị hợp đồng.</p> <p>Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng.</p> <p>(b) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng thiết bị: Bồi thường cho Chủ dự án theo giá thị trường do Chủ dự án quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá xuất kho của Chủ dự án), cộng thêm các phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi v.v... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn tất việc bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. Trường hợp Nhà thầu trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp.</p> <p>Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng.</p> <p>(c) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng tài sản (ngoài trừ công trình, cây cối, vật liệu và thiết bị) có liên hệ đến hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Số tiền bảo hiểm tối thiểu: 50% giá hợp đồng.- Mức khấu trừ tối đa: (20.000.000/30.000.000) VND. <p>Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng.</p> <p>(d) Đối với tổn hại cá nhân hoặc chết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhân viên của Nhà thầu: tối thiểu 100.000.000 VND/người.- Của người khác: tối thiểu 100.000.000 VND/người. <p>Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường đến hết thời hạn bảo hành công trình.</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 44.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản2. Thời hạn thanh toán: trong vòng 20 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu. <p>Nguyên tắc thanh toán:</p> <p>Số lần thanh toán tối đa 03 đợt (không kể đợt thanh toán tạm ứng lần đầu).</p> <ul style="list-style-type: none">- Các đợt: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn

	<p>thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng. Tổng giá trị thanh toán các đợt không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 90% giá trị hợp đồng.</p> <p>- Đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh (nếu có), hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...) và thoả thuận theo hợp đồng và Bên giao thầu nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành (thời gian bảo hành ít nhất 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng).</p> <p>Hồ sơ thanh toán khối lượng thực hiện:</p> <p>- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện Nhà thầu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng);</p> <p>- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có) và đại diện Nhà thầu;</p> <p>- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.</p>
<p>E-ĐKC 49.1</p>	<p>Mức phạt:</p> <p>1. Nhà thầu vi phạm thời gian thi công công trình, thời hạn hoàn thành hợp đồng do lỗi chủ quan của nhà thầu, không do các nguyên nhân khác: phạt 0,3% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho 1 tuần chậm trễ, nhưng không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>2. Chất lượng thi công công trình không đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng: phạt 20.000.000 VND cho mỗi trường hợp sau.</p> <p>- Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu, các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong hồ sơ mời thầu;</p> <p>- Thi công công trình không đảm bảo chất lượng, gây lún, nứt, chuyển vị, thấm nước,... hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ, không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng mà không phải nguyên nhân từ đơn vị tư vấn thiết kế;</p> <p>- Thi công công trình không phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt mà không có ý kiến chấp thuận của Chủ đầu tư;</p> <p>- Thi công công trình không phù hợp với biện pháp thi công được duyệt, để xảy ra tai nạn sự cố, sụp đổ công trình;</p> <p>- Nhà thầu không thực hiện khắc phục các tồn tại theo yêu cầu và tiến</p>

	độ của Chủ đầu tư.
--	--------------------

	3. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền 12% giá hợp đồng.
--	---